

Số: 28 /KH-UBND

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 01 năm 2025

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ
và Chương trình hành động số 46-CTr/TU ngày 15/01/2025 của
Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW
ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển
khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 46-CTr/TU ngày 15/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Văn bản số 90/SKHCN-QLKH ngày 21/01/2025; ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 46-CTr/TU ngày 15/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích, yêu cầu

a) Tổ chức cụ thể hóa và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Chương trình hành động số 46-CTr/TU ngày 15/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và một số nhiệm vụ trọng tâm Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển của tỉnh.

b) Xác định nhiệm vụ cụ thể để các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 46-CTr/TU ngày 15/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh; là điều kiện tiên quyết, thời cơ để đưa tỉnh Quảng Ninh phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

c) Các sở, ban, ngành; các huyện, thị xã, thành phố chú trọng tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm chủ động, kịp thời, linh hoạt, hiệu quả với tinh thần “tư

tuông phải thông, quyết tâm phải cao, nỗ lực phải lớn, hành động phải quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, làm việc nào ra việc đấy, làm việc nào dứt việc đó”; chú trọng phân công nhiệm vụ cụ thể với tinh thần “5 rõ: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả”, “dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung” và phương châm “Đảng chỉ đạo, Chính phủ thống nhất, Quốc hội đồng tình, Nhân dân ủng hộ, Tổ quốc mong đợi, thì chỉ bàn làm, không bàn lùi”; thường xuyên kiểm tra đánh giá, giám sát thực hiện; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, từng tổ chức, cơ quan, đơn vị và từng cá nhân liên quan.

2. Các chỉ tiêu cụ thể

a) Các chỉ tiêu đến năm 2030

- Quảng Ninh thuộc nhóm các địa phương đi đầu cả nước về ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, với tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở một số lĩnh vực quan trọng; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp và ở một số ngành, lĩnh vực đạt trình độ khu vực, quốc gia, quốc tế; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển vững chắc, thực sự trở thành động lực tăng trưởng kinh tế, góp phần xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh, hiện đại, phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh.

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%. Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu đạt tối thiểu 50%. Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP.

- 90% dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ/số thủ tục hành chính phát sinh hồ sơ; giao dịch không dùng tiền mặt đạt 80% trong đó 100% các dịch vụ thiết yếu xã hội (an sinh xã hội, y tế, giáo dục, điện, nước, viễn thông, thu vé: Tham quan vịnh, Bảo tàng, thư viện); 100% giao dịch giải quyết thủ tục hành chính ở cấp tỉnh, cấp huyện và các xã khu vực đồng bằng thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt, đối với các xã khu vực còn lại đạt tối thiểu 80%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người, đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,82.

- Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) phấn đấu đạt 2% GRDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%; dành nguồn lực thỏa đáng trong tổng chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển. Hệ thống tổ chức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được sắp xếp lại, đầu tư bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo. Có tối thiểu trên 35 tổ chức khoa học và công nghệ, trong đó có 1-2 tổ chức đánh giá xếp loại quốc gia. Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt trên 12 người trên một vạn dân. Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình 10%/năm; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo

hộ sáng chế tăng trung bình 18 - 20%/năm, tỉ lệ khai thác thương mại đạt tối thiểu 10%.

- Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng lớn, tốc độ cao; từng bước ứng dụng, khai thác hiệu quả các công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, mạng băng rộng di động 5G, 6G, thông tin vệ tinh và một số công nghệ mới nổi. Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh đối với các thành phố, thị xã có đủ điều kiện.

- Quản lý nhà nước từ tỉnh đến Trung ương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số. Quảng Ninh thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu về an toàn, an ninh mạng của cả nước.

b) Tầm nhìn đến năm 2045

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa Quảng Ninh trở thành tỉnh phát triển, có thu nhập cao. Có quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GRDP; thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Thu hút thêm ít nhất 1 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Quảng Ninh.

(Phụ lục I kèm theo)

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Nhằm đạt được mục tiêu Chương trình hành động số 46-CTr/TU ngày 15/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và một số nhiệm vụ trọng tâm Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đã đề ra, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Xây dựng, trình ban hành và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 46-CTr/TU ngày 15/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng: đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp, chính quyền các cấp; kế hoạch tuyên truyền phải có mục tiêu, tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả.

Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

Cơ quan phối hợp: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; Trung tâm Truyền thông tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Quý II năm 2025.

b) Xây dựng chuyên mục chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên báo in, phát thanh, truyền hình, cổng thông tin điện tử và các hạ tầng truyền thông của tỉnh; tuyên truyền và công khai các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện chương trình hành động số 46-CTr/TU ngày 15/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Trung tâm Truyền thông tỉnh.

Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông.

Thời gian hoàn thành: Quý II năm 2025 và thực hiện thường xuyên.

c) Triển khai văn bản quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc tham mưu xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hằng năm.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: Quý III năm 2025.

d) Tổ chức triển khai áp dụng nền tảng số, công cụ số để thực hiện đo lường trực tuyến mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: Sau khi có nền tảng cung cấp cho địa phương.

đ) Triển khai đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước sau khi Bộ Nội vụ ban hành Đề án.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Nội vụ; Sở Thông tin và Truyền thông.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

e) Thực hiện rà soát quy định tiêu chuẩn chức danh công chức, lãnh đạo quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước. Phân đầu bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng tới tối thiểu đạt 25% theo quy định của Trung ương.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Các sở, ban, ngành, địa phương.

Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

f) Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) nhằm khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo hướng bổ sung, điều chỉnh để phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Nội vụ.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, địa phương.

Thời gian thực hiện: Sau khi Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) được Quốc hội thông qua, có hiệu lực thi hành.

g) Tổ chức triển khai nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: Sau khi có nền tảng cung cấp đại trà.

h) Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ (hướng dẫn xây dựng nội dung đào tạo khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo), Sở Thông tin và Truyền thông (hướng dẫn xây dựng nội dung đào tạo chuyển đổi số), Sở Nội vụ (tổng hợp chung);

Cơ quan phối hợp: Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ, Trường Đại học Hạ Long, Công an tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

i) Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

k) Phát động phong trào thi đua trong toàn tỉnh để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng

kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù nhỏ nhất.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Nội vụ.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương.

Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2026.

1) Phát động phong trào phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong mọi cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Các sở, ban, ngành, địa phương.

Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước từ tỉnh đến địa phương, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý nhà nước đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Nội vụ.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan và các địa phương.

Thời gian thực hiện: Theo lộ trình, chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ và của Tỉnh.

b) Rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao; hoàn thiện quy định pháp luật để bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

- Tiếp tục rà soát tham mưu ban hành các cơ chế chính sách theo Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 28/4/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách tài chính đặc thù khuyến khích và hỗ trợ hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026-2030. Ưu tiên tập trung hỗ trợ ứng dụng chuyển giao công nghệ công nghệ cao trong lĩnh vực chế biến chế tạo; công nghệ sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sinh học; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI),

Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data); ứng dụng công nghệ vào ngành du lịch như thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), và nền tảng số để nâng cao trải nghiệm du lịch; công nghệ tiên tiến trong chế biến thủy sản, nông sản, đặc biệt là sản phẩm OCOP; ứng dụng công nghệ vào giáo dục, thúc đẩy học trực tuyến và các mô hình học tập tiên tiến, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0; áp dụng công nghệ hiện đại trong quản lý cảng biển và logistics để tăng năng suất và kết nối với các trung tâm kinh tế lớn; Ứng dụng công nghệ quản lý cảng thông minh, tự động hóa các quy trình bốc xếp và vận chuyển hàng hóa; Ứng dụng công nghệ xử lý môi trường.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông.

Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

c) Triển khai các quy định sau khi các Luật, Nghị định Chính phủ ban hành có hiệu lực:

- Quy định về việc thành lập và sử dụng các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số.

- Quy định cải cách về cơ chế tài chính trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đơn giản hóa tối đa hồ sơ, thủ tục quản lý sử dụng và thanh quyết toán đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển đổi số, giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; có chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ gắn với cơ chế chia sẻ lợi ích từ kết quả nghiên cứu, ứng dụng.

- Quy định pháp luật chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng và triển khai Đề án cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới có sự giám sát của Nhà nước, hoàn thiện chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ

Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan.

Thời gian thực hiện: Quý I năm 2026 (sau khi Nghị quyết của Quốc hội ban hành và hướng dẫn của Bộ, ngành liên quan).

d) Nghiên cứu xây dựng Chương trình khung và danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ưu tiên thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030 làm căn cứ xây dựng, triển khai dự án trọng điểm cho các lĩnh vực có tiềm năng để thu hút đầu tư, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương.

Thời gian hoàn thành: Quý IV năm 2025.

d) Xây dựng, triển khai kế hoạch đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư lớn, có thương hiệu, thu hút FDI từ các đối tác thuộc các nước phát triển; ưu tiên thu hút các ngành có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, mang lại giá trị gia tăng cao, tăng nhanh tỷ lệ lắp đặt, nâng cao hiệu quả kinh tế các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã thành lập.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Ban Quản lý Khu kinh tế.

Cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành, địa phương.

Thời gian hoàn thành: Quý III năm 2025.

e) Xây dựng và triển khai Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh; khuyến khích thành lập các doanh nghiệp có hàm lượng khoa học, công nghệ nhằm tăng số lượng và quy mô các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương.

Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2026.

f) Triển khai cơ chế đặc thù về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ số để đẩy nhanh chuyển đổi số.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

Cơ quan phối hợp: Các sở, Ban, ngành, địa phương.

Thời gian thực hiện: Hàng năm, giai đoạn 2025-2030 (sau khi Nghị quyết của Quốc hội ban hành cơ chế đặc thù và hướng dẫn của bộ, ngành liên quan).

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Nghiên cứu xây dựng các Chương trình trọng điểm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với những lĩnh vực kinh tế có thế mạnh, lĩnh vực kinh tế có tiềm năng của tỉnh Quảng Ninh (kinh tế hàng không tầng thấp; kinh tế di sản; kinh tế biển; kinh tế tuần hoàn; kinh tế biên mậu; kinh tế đêm).

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Ban quản lý khu kinh tế và các cơ quan liên quan theo chức năng nhiệm vụ chủ trì chương trình phát triển kinh tế liên quan.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: Năm 2025-2030 (các sở chủ động đề xuất thời gian thực hiện).

b) Tập trung nguồn lực, ưu tiên thu hút đầu tư các dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghệ thông tin nằm trong danh mục các Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh được phê duyệt tại Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng các Trung tâm khám phá khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại thành phố Hạ Long, thị xã Quảng Yên, huyện Vân Đồn và thành phố Móng Cái.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

Cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian hoàn thành: Đến năm 2030.

- Triển khai xây dựng Khu công nghệ thông tin tập trung (Hạ Long ICT Park).

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng, UBND thành phố Hạ Long.

Thời gian thực hiện hoàn thành: năm 2025.

- Triển khai xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC).

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian hoàn thành: Quý IV năm 2025.

- Triển khai Trung tâm kiểm soát an toàn thông tin mạng tỉnh (SOC).

Cơ quan chủ trì thực hiện: Công an tỉnh.

Cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian hoàn thành: Quý IV năm 2025.

- Rà soát, hoàn thiện chức năng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Đông Triều theo quy định của Luật công nghệ cao.

Cơ quan chủ trì thực hiện: UBND thành phố Đông Triều.

Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ.

Thời gian hoàn thành: Quý II năm 2025.

- Triển khai xây dựng Đề án thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nuôi trồng thủy sản Đàm Hà; Đề án thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao bò sữa Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh.

Cơ quan chủ trì thực hiện: UBND huyện Đàm Hà.

Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ.

Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2025.

- Xây dựng Đề án thành lập Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Tiên Yên.

Cơ quan chủ trì thực hiện: UBND huyện Tiên Yên.

Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ.

Thời gian hoàn thành: Quý II năm 2025.

- Triển khai Đề án xây dựng “Khu trình diễn, giới thiệu, mô hình, thực nghiệm ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, lưu trữ nguồn gen”.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện hoàn thành: Quý IV năm 2025.

- Xây dựng phương án đảm bảo hạ tầng số hiện đại đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và thay thế các hạ tầng tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh theo hướng phát triển hạ tầng lưu trữ, hạ tầng điện toán đám mây.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian hoàn thành: Năm 2025.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai liên kết, phối hợp giữa khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với khu công nghệ thông tin tập trung và với các vườn ươm, phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành trong và ngoài tỉnh, cũng như gắn kết với phát triển hạ tầng, hệ sinh thái sống.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian hoàn thành: Quý IV năm 2026.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động các phòng thí nghiệm, kiểm định của tỉnh đáp ứng nhu cầu kiểm định, kiểm nghiệm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, môi trường của người dân, doanh nghiệp và phục vụ công tác quản lý nhà nước.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian hoàn thành: Quý III năm 2026.

- Xây dựng trình phê duyệt Đề án khu công nghệ cao

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian hoàn thành: Quý II năm 2026.

c) Phát triển Trường Đại học Hạ Long theo mô hình đô thị đại học, trở thành hạt nhân, nòng cốt và trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đối với một số lĩnh vực của vùng, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu nhân lực, nghiên cứu và chuyển giao tri thức phục vụ phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh, của vùng và khu vực.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Trường Đại học Hạ Long

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

d) Xây dựng và triển khai Kế hoạch khuyến khích phát triển các tổ chức khoa học, các doanh nghiệp khoa học, doanh nghiệp FDI tham gia đầu tư nâng cao tiềm lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; thu hút doanh nghiệp lớp đầu tư sản xuất, kinh doanh sản phẩm kinh tế số lõi.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Cơ quan phối hợp: Ban Quản lý Khu kinh tế và các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

đ) Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm cập nhật kịp thời, thường xuyên, liên tục; tăng cường liên kết hiệu quả với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2026.

e) Xây dựng, triển khai Đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực sản xuất như thương mại điện tử, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh, du lịch thông minh.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Các sở, ngành, địa phương có triển khai ứng dụng IoT trong ngành, lĩnh vực thuộc chức năng quản lý.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện hoàn thành: Quý I năm 2026.

f) Xây dựng, triển khai Kế hoạch phát triển hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông

Cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện hoàn thành: Quý I năm 2026.

g) Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế xã hội.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Công an tỉnh.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: Năm 2026.

h) Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Công an tỉnh.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: tháng 6 năm 2025.

i) Nghiên cứu xây dựng chương trình chuyển đổi số và quản lý dữ liệu tập trung (chuyển đổi số mọi mặt hoạt động, hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, kết nối dữ liệu với trung tâm dữ liệu số quốc gia, bộ, ngành).

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện hoàn thành: Quý IV năm 2025.

k) Xây dựng Chương trình nâng cấp, cải tiến và sáng tạo công nghệ năng lượng, công nghệ khai thác, chế biến đóng góp tích cực vào mục tiêu phát thải ròng về 0 năm 2050 của Việt Nam.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Công Thương.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện hoàn thành: Quý IV năm 2025.

l) Xây dựng Đề án ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với một số ngành, lĩnh vực quan trọng.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện hoàn thành: Quý IV năm 2026.

m) Triển khai các chính sách hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược; cơ chế, chính sách hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển hạ tầng số mới, dịch vụ số mới, dữ liệu; cơ chế chính sách hợp tác công tư để đào tạo nhân lực công nghệ số.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên (Sau khi Nghị quyết của Chính phủ ban hành và hướng dẫn của Bộ, ngành liên quan).

n) Triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, các trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: Năm 2025 (sau khi có chính sách của Bộ KH&CN)

o) Xây dựng và triển khai Đề án đô thị thông minh đối với các địa phương đủ điều kiện.

Cơ quan chủ trì thực hiện: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2029.

p) Xây dựng, triển khai Đề án xây dựng khu, tổ hợp công nghiệp văn hóa, sáng tạo tại thành phố Hạ Long.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện hoàn thành: Năm 2025.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Tập trung nguồn lực để thực hiện các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Triển khai xây dựng, thực hiện kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: Năm 2025 và các năm giai đoạn 2026-2030.

b) Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách: (1) Chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ làm việc trong các cơ quan Đảng; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh, cấp huyện; cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Ninh (sau đây viết tắt là cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh); hỗ trợ đào tạo sau đại học đối với viên chức là giảng viên Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ; viên chức là bác sĩ đang làm việc trong các lĩnh vực Y khoa, Y học dự phòng tại các đơn vị sự nghiệp công lập ngành y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (*Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh*); (2) Chính sách thu hút đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại Trường Đại học Hạ Long, Trường Cao đẳng Việt - Hàn Quảng Ninh và Trường Cao đẳng Y tế Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025 (*Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh*); (3) Chính sách chế độ thưởng, hỗ trợ trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi của tỉnh Quảng Ninh và một số chính sách ưu đãi đối với Trường trung học phổ thông Chuyên Hạ Long (*Nghị quyết số 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh*).

c) Xây dựng và triển khai Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2025-2030”.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Nội vụ.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: Quý I năm 2025.

d) Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách thu hút nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao, nhất là các nhà khoa học đầu ngành, chuyên gia cao cấp trong nước và nước ngoài, cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ chuyên môn cao tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại tỉnh (chính sách về tiền lương, nhà ở, điều kiện làm việc,...).

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện hoàn thành: Quý III năm 2026.

đ) Tham mưu triển khai thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi đối với cán bộ công nghệ thông tin công tác tại các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của Trung ương.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Nội vụ.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương.

Thời gian thực hiện: Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định.

e) Xây dựng dữ liệu chuyên gia, thiết lập kênh kết nối giữa doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo để đẩy mạnh liên kết nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của doanh nghiệp.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện hoàn thành: Quý IV năm 2026.

g) Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và học tập ở các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh;

- Có cơ chế khuyến khích các cơ sở giáo dục, đào tạo tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, phát triển năng lực tự học, sáng tạo...

- Thúc đẩy mạnh mẽ các cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, tham gia cấp quốc gia và phấn đấu có dự án tham gia cấp quốc tế;

- Tăng cường các hoạt động hợp tác giữa các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh với các cơ sở giáo dục, đào tạo trong nước, nước ngoài, tổ chức khoa học, doanh nghiệp... để ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn giáo dục, đào tạo;

- Thúc đẩy tư duy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp trong học sinh, sinh viên; phấn đấu hằng năm đều có các dự án khởi nghiệp của học sinh, sinh viên;

- Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo theo đúng tinh thần chỉ đạo tại các kế hoạch của Bộ GDĐT, của tỉnh; trong đó, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho giáo viên, học sinh; phát triển nhân rộng mô hình lớp học thông minh, trường học số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào quản lý giáo dục, quản trị trường học; tiếp tục hoàn thiện học bạ số cấp tiểu học, triển khai học bạ số cấp trung học; bám sát chỉ đạo của Bộ GDĐT xây dựng kết nối cơ sở dữ liệu ngay với CSDL quốc gia; phối hợp với công an tỉnh cấp chữ ký số cho người trưởng thành đối tượng là học sinh, sinh viên; triển khai hệ thống phần mềm ứng dụng triển khai dạy học trực tuyến, quản lý, khai thác sử dụng nguồn học liệu, công tác quản trị cơ sở giáo dục...

- Phối hợp, kết nối, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ để triển khai các biện pháp chuyển đổi số trong giáo dục; tăng cường huy động các

nguồn lực xã hội để đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, máy móc, thiết bị... phục vụ cho phát triển giáo dục, đào tạo;

- Tổ chức các hoạt động tập huấn chuyên sâu, hội thảo chuyên đề về khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo cho cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, học sinh, sinh viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao năng lực số; từng bước thực hiện tổ chức kiểm tra/thi online trên nền tảng CNTT.

- Tập trung tạo nguồn đào tạo nhân lực STEM gắn với giáo dục hướng nghiệp, khởi nghiệp từ giáo dục phổ thông. Tiếp tục nâng cao chất lượng giảng dạy ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ 2 trong trường học.

- Tích cực tham mưu cho tỉnh triển khai thực hiện các chỉ đạo của Trung ương về ứng dụng khoa học, kỹ thuật, chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo phù hợp với yêu cầu, điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách của tỉnh để tiếp tục phát triển giáo dục, đào tạo đáp ứng yêu cầu của tỉnh và của Quốc gia...

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo.

Cơ quan phối hợp: Trường Đại học Hạ Long, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng nghề và các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

h) Xây dựng và triển khai Đề án phát triển thị trường khoa học và công nghệ, trong đó thúc đẩy phát triển các tổ chức trung gian, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, các trung tâm ương tại khởi nghiệp sáng tạo.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện hoàn thành: Quý II năm 2025.

i) Đẩy mạnh phong trào thi đua học tập, lao động sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị. Đổi mới, nâng cao chất lượng tổ chức các cuộc thi, giải thưởng công nghệ thông tin, sáng tạo khoa học kỹ thuật của tỉnh; tôn vinh các sáng chế, giải pháp hữu ích, danh hiệu tri thức tiêu biểu.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

a) Tập trung tham mưu triển khai Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong cơ quan

Đảng; thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

b) Xây dựng, triển khai kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện hoàn thành: Quý III năm 2025.

c) Xây dựng, triển khai Kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số hình thành công dân số.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Công an tỉnh.

Cơ quan phối hợp: UBND các địa phương.

Thời gian thực hiện hoàn thành: Quý IV năm 2025.

d) Phối hợp hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác minh điện tử trong giao dịch thương mại điện tử.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Công an tỉnh.

Cơ quan phối hợp: Sở Công Thương, các địa phương

Thời gian thực hiện: Năm 2025.

đ) Triển khai các Đề án chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Các sở, ban, ngành, địa phương.

Cơ quan phối hợp: Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông.

Thời gian thực hiện hoàn thành: Năm 2026 (sau khi Đề án của các Bộ được phê duyệt).

e) Triển khai các Tiểu Đề án/Kế hoạch phục vụ chuyển đổi số, bảo đảm kết nối với Đề án 06, gồm: Định danh tàu thuyền; Định danh địa điểm; Xây dựng sàn giao dịch việc làm; Xây dựng sàn giao dịch bất động sản; Xây dựng sàn thương mại điện tử gắn với sản phẩm nông nghiệp và đặc sản vùng miền; Phát triển nguồn nhân lực trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo; Phát triển kinh tế đêm; Mô hình du lịch thông tin; Đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chống thất thu thuế, đảm bảo an ninh tiền tệ trên nền tảng thương mại điện tử.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Công an tỉnh, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng nhà nước, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Công thương theo chức năng, nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng, triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến ngành, lĩnh vực được phân công.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: Năm 2026.

f) Triển khai hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Công an tỉnh.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: Năm 2025.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

a) Triển khai Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: Năm 2026.

b) Triển khai bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Cơ quan phối hợp: các doanh nghiệp.

Thời gian thực hiện: Năm 2026.

c) Xây dựng, triển khai các chính sách, kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, các doanh nghiệp.

Thời gian thực hiện: Năm 2026.

d) Phối hợp triển khai Đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Cơ quan phối hợp: Các doanh nghiệp.

Thời gian thực hiện: Năm 2027.

đ) Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

e) Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Các sở, ban, ngành, địa phương.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư, kêu gọi các tập đoàn công nghệ lớn, các tổ chức nghiên cứu hàng đầu trên thế giới đầu tư vào Quảng Ninh trong lĩnh vực: Công nghệ cao, công nghệ sạch, chế biến chế tạo; công nghiệp bán dẫn, công nghiệp văn hóa, năng lượng tái tạo; công nghệ sinh học.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Cơ quan phối hợp: Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế, các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: 2026 - 2030.

b) Tổ chức học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm quốc tế có mô hình, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh; đẩy mạnh ngoại giao công nghệ, thu hút các nguồn lực bên ngoài, góp phần đảm bảo an ninh kinh tế, nâng cao tự chủ về công nghệ.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ

Cơ quan phối hợp: Sở Ngoại vụ, các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

c) Tham gia các tổ chức, mạng lưới quốc tế như UNESCO, UNDP, ASEAN Smart Cities Network (ASCN); tổ chức các hội nghị, diễn đàn quốc tế về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số tại Quảng Ninh; Kết nối với các thành phố thông minh trên thế giới để phát triển các giải pháp sáng tạo trong quản lý đô thị và du lịch thông minh.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

(Phụ lục II - Danh mục các nhiệm vụ phân công các sở, ban, ngành kèm theo).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ, Chương trình hành động số 46 -CTr/TU ngày 15/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, thị xã, thành

phổ theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch thực hiện hoàn thành trong tháng 02 năm 2025.

2. Các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm rà soát các Chương trình, Kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ đã ban hành, còn hiệu lực thực hiện có liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với chương trình, kế hoạch thực hiện kế hoạch này, hoàn thành trong năm 2025.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; bảo đảm an ninh, trật tự và tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch này, định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện qua Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 15 tháng 11 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tại phiên họp cuối năm.

4. Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện, kịp thời báo cáo và đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả kế hoạch; bám sát các nội dung liên quan trong chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội để thực hiện việc báo cáo theo quy định.

5. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện hằng năm theo kế hoạch.

6. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể tại kế hoạch này, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động đề xuất gửi Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quyết định.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN; Bộ TT&TT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- UB MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- V0, V1-4; VX1, CVNCTH;
- Lưu: VT, VX6.

KH25.09

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Đức Ấn



PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÁC CHỦ TIÊU CỤ THỂ
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 28 /KH-UBND ngày 24 /01/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 46- CTy/TU ngày 15/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Đến năm 2030			
1	Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Thứ bậc	Nhóm các địa phương đi đầu cả nước về ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp	Thứ bậc	Nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Lĩnh vực khoa học, công nghệ	Thứ bậc	Một số lĩnh vực đạt trình độ quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Xếp hạng năng lực cạnh tranh số	Thứ bậc		Ban Xúc tiến và Hỗ trợ Đầu tư
5	Xếp hạng chỉ số phát triển Chính phủ điện tử, -Chính phủ số	Thứ bậc	Nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước	Sở Thông tin và Truyền thông
6	Xếp hạng về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số mà Việt Nam có lợi thế	Thứ bậc		Sở Thông tin và Truyền thông

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
7	Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến	Doanh nghiệp	≥ 1	Sở Thông tin và Truyền thông
8	Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	≥ 55	Sở Kế hoạch và Đầu tư
9	Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu	%	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Quy mô kinh tế số	% GDP	≥ 30	Sở Thông tin và Truyền thông
11	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 90	Sở Thông tin và Truyền thông
12	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
13	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt (lĩnh vực thiết yếu đạt 100%)	%	≥ 80	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Ninh
14	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	%	≥ 40	Sở Khoa học và Công nghệ
15	Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người Việt Nam duy trì chỉ số phát triển con người (HDI)	Chỉ số phát triển con người (HDI)	$> 0,82$	Sở Khoa học và Công nghệ
16	Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	% GRDP	2	Sở Khoa học và Công nghệ
17	Tỷ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	%	> 60	Sở Khoa học và Công nghệ
18	Chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia	% tổng chi NSNN	$\geq 3\%$ và tăng dần theo yêu cầu phát triển	Sở Tài chính
19	Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển	Người/vạn dân	12	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	công nghệ, đổi mới sáng tạo			
20	Tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới	Tổ chức	1-2	Sở Khoa học và Công nghệ
21	Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình	%/năm	≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ
22	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế chế tăng trung bình	%/năm	16 - 18	Sở Khoa học và Công nghệ
23	Tỉ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế khai thác thương mại	%	≥ 10	Bộ Khoa học và Công nghệ
24	Hạ tầng số		Tiến tiến, hiện đại, dung lượng lớn, tốc độ cao	Sở Thông tin và Truyền thông
25	Phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	99	Sở Thông tin và Truyền thông
26	Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh các thành phố trực thuộc Trung ương và một số tỉnh, thành phố có đủ điều kiện	Thành phố, Tỉnh	≥ 1	Sở Thông tin và Truyền thông
27	100% nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng đủ dữ liệu số; 100% chỉ đạo của UBND tỉnh được giao theo dõi, giám sát, đánh giá bằng đủ dữ liệu số	%	100%	Sở Thông tin và Truyền thông
28	Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành	%	100	Công an tỉnh
29	Hình thành Trung tâm dữ liệu lớn	Trung tâm dữ liệu lớn	≥ 01	Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành
30	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	≥ 95	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
31	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	≥ 70	Sở Thông tin và Truyền thông
32	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	≥ 95	Sở Y tế
33	Xếp hạng về an toàn thông tin mạng	Thứ bậc	≤ 10	Sở Thông tin và Truyền thông
II	Đến năm 2045			
34	Quy mô kinh tế số	%GRDP	≥ 50	Sở Thông tin và Truyền thông
35	Chỉ số đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	Thứ bậc	Nhóm dẫn đầu cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ
36	Thu hút thêm tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Quảng Ninh.	Tổ chức, doanh nghiệp	≥ 1	Sở Kế hoạch và Đầu tư

PHỤ LỤC II

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 28 /KH-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 46-CTr/TU ngày 15/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I	Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia				
1	Xây dựng, trình ban hành và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 46-CTr/TU ngày 15/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng: đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp, chính quyền các cấp; kế hoạch tuyên truyền phải có mục tiêu, có bộ tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả	Sở Thông tin và Truyền thông	Trung tâm Truyền thông tỉnh	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quý II năm 2025
2	Xây dựng chuyên mục chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội; website tuyên truyền và công khai, giám sát, theo dõi các chỉ tiêu Kế hoạch của BTV Tỉnh ủy	Trung tâm Truyền thông tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông	Chương trình	Quý II/2025; Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW				
3	Triển khai văn bản quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc tham mưu xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hằng năm	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Văn bản triển khai	Quý III năm 2025
4	Triển khai đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước sau khi Bộ Nội vụ ban hành Đề án	Sở Nội vụ	các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản hành chính	Quý III năm 2025 (sau khi Bộ Nội vụ ban hành)
5	Rà soát quy định tiêu chuẩn chức danh công chức, lãnh đạo quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước theo hướng bổ sung quy định tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước đạt tối thiểu 25% theo quy định của Trung ương	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông	Báo cáo thực hiện	Thường xuyên
6	Triển khai quy định của Trung ương về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản hành chính	Quý IV năm 2025 (sau khi Bộ Nội vụ ban hành)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
7	 Triển khai nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Nền tảng đào tạo trực tuyến triển khai đại trà	Quý III/2025 (sau khi có nền tảng cung cấp đại trà)
8	Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia	- Sở Khoa học và Công nghệ (hướng dẫn xây dựng nội dung đào tạo khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo), - Sở Thông tin và Truyền thông (hướng dẫn xây dựng nội dung đào tạo chuyển đổi số), - Sở Nội vụ (tổng hợp chung)	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quyết định của cấp có thẩm quyền	Quý IV/2025
9	Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và	Chương trình, kế hoạch phong trào	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân		Truyền thông	“học tập số”	
10	Phát động phong trào thi đua trong tỉnh để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù nhỏ nhất.	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, địa phương	Văn bản phát động	Quý I năm 2026
11	Phát động phong trào phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong mọi cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông, Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh.	Nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà	6/2025
II	Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
12	Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước từ tỉnh đến địa phương để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ Sở Thông tin và	Sở Nội vụ, các địa phương	Tổ chức bộ máy được sắp xếp	Quý I/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
		Truyền thông			
13	- Ra soát, tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao; hoàn thiện quy định pháp luật để bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số. - Tiếp tục rà soát tham mưu ban hành các cơ chế chính sách theo Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 28/4/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan	Văn bản triển khai	Thường xuyên
14	Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách tài chính đặc thù khuyến khích và hỗ trợ hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026-2030. Ưu tiên tập trung hỗ trợ ứng dụng chuyển giao công nghệ nghệ cao trong lĩnh vực chế biến chế tạo; công nghệ sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sinh học; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data); ứng dụng công nghệ vào ngành du lịch như thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), và nền tảng số để nâng cao trải nghiệm du lịch; công nghệ tiên tiến trong chế biến thủy sản, nông sản, đặc biệt là sản phẩm OCOP; ứng dụng công nghệ vào giáo dục, thúc đẩy học trực tuyến và các mô hình học tập tiên tiến, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0; áp dụng	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan	Cơ chế được ban hành	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	công nghệ hiện đại trong quản lý cảng biển và logistics để tăng năng suất và kết nối với các trung tâm kinh tế lớn; Ứng dụng công nghệ quản lý cảng thông minh, tự động hóa các quy trình bốc xếp và vận chuyển hàng hóa; Ứng dụng công nghệ xử lý môi trường				
15	Triển khai các quy định sau khi các Luật, Nghị định Chính phủ ban hành có hiệu lực: - Quy định về việc thành lập và sử dụng các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số. - Quy định cải cách về cơ chế tài chính trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đơn giản hóa tối đa hồ sơ, thủ tục quản lý sử dụng và thanh quyết toán đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển đổi số, giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; Có chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ gắn với cơ chế chia sẻ lợi ích từ kết quả nghiên cứu, ứng dụng. - Quy định pháp luật chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo. - Xây dựng và triển khai Đề án cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới có sự giám sát của Nhà nước, hoàn thiện chính sách miễn trừ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan	Văn bản triển khai	Quý I năm 2026 (sau khi Nghị quyết của Quốc hội ban hành và hướng dẫn của Bộ, ngành liên quan)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	 trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan				
16	Xây dựng Chương trình khung và danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ưu tiên thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030 làm căn cứ xây dựng, triển khai dự án trọng điểm cho các lĩnh vực có tiềm năng để thu hút đầu tư, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Chương trình khung được UBND tỉnh ban hành	Quý IV năm 2025
17	Xây dựng, triển khai Kế hoạch đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư lớn, có thương hiệu, thu hút FDI từ các đối tác thuộc các nước phát triển; ưu tiên thu hút các ngành có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, mang lại giá trị gia tăng cao, tăng nhanh tỷ lệ lấp đầy, nâng cao hiệu quả kinh tế các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã thành lập	Ban Quản lý Khu kinh tế	Các sở, ban, ngành, địa phương	Kế hoạch được ban hành	Quý III năm 2025
18	Xây dựng và triển khai Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh; khuyến khích thành lập các doanh nghiệp có hàm lượng khoa học, công nghệ nhằm tăng số lượng và quy mô các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp	Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Đề án được UBND tỉnh ban hành	Quý I năm 2026
19	Triển khai cơ chế đặc thù về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài	Các sở, ban, ngành, địa	Văn bản triển khai thực hiện	Trong năm 2025 (sau

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ số để đẩy nhanh chuyển đổi số	chính	phương		khi Nghị quyết của Quốc hội ban hành cơ chế đặc thù và hướng dẫn của Bộ, ngành liên quan)
III	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia				
20	Nghiên cứu xây dựng các Chương trình trọng điểm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với những lĩnh vực kinh tế có thế mạnh, lĩnh vực kinh tế có tiềm năng của tỉnh Quảng Ninh (kinh tế hàng không tăng thấp; kinh tế di sản; kinh tế biển; kinh tế tuần hoàn; kinh tế biên mậu; kinh tế đêm)	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công thương theo chức năng, nhiệm vụ được phân công chủ trì, triển khai thực hiện theo nội dung	Các sở, ban, địa phương liên quan	Chương trình trọng điểm được UBND tỉnh ban hành	Năm 2025-2030 (các sở chủ động đề xuất thời gian thực hiện)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
21	Tập trung nguồn lực, ưu tiên thu hút đầu tư các dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghệ thông tin nằm trong danh mục các Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh được phê duyệt tại Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ.				
22	Xây dựng các Trung tâm khám phá khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Hạ Long, Quảng Yên, Vân Đồn và Móng Cái.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Trung tâm đi vào hoạt động	quý II/2025
23	Triển khai xây dựng Khu công nghệ thông tin tập trung (Hạ Long ICT Park).	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng, UBND thành phố Hạ Long	Khu công nghệ thông tin đi vào hoạt động	Quý II năm 2025
24	Triển khai xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC).	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Trung tâm đi vào hoạt động	Quý IV năm 2025
25	Triển khai Trung tâm kiểm soát an toàn thông tin mạng tỉnh (SOC).	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Trung tâm đi vào hoạt động	Quý IV năm 2025
26	Rà soát, hoàn thiện chức năng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Đông Triều theo quy định của Luật công	UBND thành phố Đông Triều	Sở Nông nghiệp và Phát triển	Khu nông nghiệp ứng	Quý II năm 2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	nghệ cao.		nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ.	dụng công nghệ cao đi vào hoạt động	
27	Triển khai xây dựng Đề án thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nuôi trồng thủy sản Đầm Hà; Đề án thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao bò sữa Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh	UBND huyện Đầm Hà	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đi vào hoạt động	Quý I năm 2025
28	Xây dựng Đề án thành lập Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Tiên Yên	UBND huyện Tiên Yên	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ	Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao đi vào hoạt động	Quý II năm 2025
29	Triển khai Đề án xây dựng “Khu trình diễn, giới thiệu, mô hình, thực nghiệm ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, lưu trữ nguồn gen”	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Đề án được UBND tỉnh ban hành	Quý IV năm 2025
30	Xây dựng và triển khai Đề án nâng cấp và đảm bảo hoạt động và phát triển của Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh phù hợp với xu thế công nghệ, yêu cầu thực tiễn và lộ trình của IDC các địa phương, IDC quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh được nâng cấp và đi vào hoạt động	Quý II năm 2025
31	Xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai liên kết, phối hợp giữa khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với khu công	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa	Kế hoạch được UBND tỉnh	Quý IV năm 2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	nghệ thông tin tập trung và với các vườn ươm, phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành trong và ngoài tỉnh, cũng như gắn kết với phát triển hạ tầng, hệ sinh thái sống		phương liên quan	ban hành	
32	Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động các phòng thí nghiệm, kiểm định của tỉnh đáp ứng nhu cầu kiểm định, kiểm nghiệm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, môi trường của người dân, doanh nghiệp và phục vụ công tác quản lý nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Các phòng thí nghiệm, kiểm định của tỉnh được nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu kiểm định	Quý III năm 2026
33	Xây dựng trình phê duyệt Đề án khu công nghệ cao	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan		Quý II năm 2026
34	Phát triển Trường Đại học Hạ Long theo mô hình đô thị đại học, trở thành hạt nhân, nòng cốt và trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đối với một số lĩnh vực của vùng, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu nhân lực, nghiên cứu và chuyển giao tri thức phục vụ phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh, của vùng và khu vực	Trường Đại học Hạ Long	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Trường Đại học Hạ Long được phát triển theo mô hình đô thị đại học	Thường xuyên
35	Xây dựng và triển khai Kế hoạch khuyến khích phát triển các tổ chức khoa học, các doanh nghiệp khoa học, doanh	Ban Quản lý Khu kinh tế	Các sở, ban, ngành, địa	Kế hoạch được UBND tỉnh	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	ngành FDI tham gia đầu tư nâng cao tiềm lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; thu hút doanh nghiệp lớp đầu tư sản xuất, kinh doanh sản phẩm kinh tế số lõi		phương	ban hành	
36	Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm cập nhật kịp thời, thường xuyên, liên tục; tăng cường liên kết hiệu quả với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Hệ thống cơ sở dữ liệu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được hoàn thiện	Quý I năm 2026
37	Xây dựng, triển khai Đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực sản xuất như thương mại điện tử, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh, du lịch thông minh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Đề án được triển khai	Quý I năm 2026
38	Xây dựng, triển khai Kế hoạch phát triển hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Kế hoạch được UBND tỉnh ban hành	Quý I năm 2026
39	Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế xã hội	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	CSDL quốc gia, CSDL dùng chung được khai thác đồng bộ	Năm 2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
40	 Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT	6/2025
41	Nghiên cứu xây dựng chương trình chuyển đổi số và quản lý dữ liệu tập trung (chuyển đổi số mọi mặt hoạt động, hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, kết nối dữ liệu với trung tâm dữ liệu số quốc gia, bộ, ngành)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Chương trình chuyển đổi số và quản lý dữ liệu tập trung được triển khai	Quý IV năm 2025
42	Xây dựng Chương trình nâng cấp, cải tiến và sáng tạo công nghệ năng lượng, công nghệ khai thác, chế biến đóng góp tích cực vào mục tiêu phát thải ròng về 0 năm 2050 của Việt Nam	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Chương trình được ban hành	Quý IV năm 2025
43	Xây dựng Đề án ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với một số ngành, lĩnh vực quan trọng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Đề án ứng dụng trí tuệ nhân tạo được ban hành	Quý IV năm 2026
44	Triển khai các chính sách hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược; cơ chế, chính sách hợp tác	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Văn bản triển khai	Thường xuyên (sau)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	công tư để nghiên cứu và phát triển hạ tầng số mới, dịch vụ số mới, dữ liệu; cơ chế chính sách hợp tác công tư để đào tạo nhân lực công nghệ số	Đầu tư	phương liên quan	khai thực hiện	khi Chính phủ ban hành Nghị quyết và các Bộ, ngành hướng dẫn)
45	Triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, các trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Cơ chế chính sách được triển khai đồng bộ	Năm 2025 (sau khi có chính sách của Bộ KH&CN)
46	Xây dựng và triển khai Đề án đô thị thông minh đối với các địa phương đủ điều kiện	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Đề án đô thị thông minh được triển khai	Quý I/2029
47	Xây dựng, triển khai Đề án xây dựng khu, tổ hợp công nghiệp văn hóa, sáng tạo tại thành phố Hạ Long	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Đề án được triển khai	Năm 2025
IV	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
48	Triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 trên địa	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban,	Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	 bàn tỉnh		ngành, địa phương liên quan		
49	Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách: (1) Chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ làm việc trong các cơ quan Đảng; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh, cấp huyện; cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Ninh (sau đây viết tắt là cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh); hỗ trợ đào tạo sau đại học đối với viên chức là giảng viên Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ; viên chức là bác sĩ đang làm việc trong các lĩnh vực Y khoa, Y học dự phòng tại các đơn vị sự nghiệp công lập ngành y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh); (2) Chính sách thu hút đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại Trường Đại học Hạ Long, Trường Cao đẳng Việt - Hàn Quảng Ninh và Trường Cao đẳng Y tế Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh). (3) Chính sách chế độ thưởng, hỗ trợ trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi của tỉnh Quảng Ninh và một số chính sách ưu đãi đối với Trường trung học phổ thông Chuyên Hạ Long (Nghị quyết số 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh). Phê duyệt Đề án Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.	Sở Nội vụ	Trường Đại học Hạ Long, Trường Cao đẳng Việt Hàn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Chính sách được triển khai theo quy định	Quý I/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
50	Xây dựng và triển khai Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2025-2030”	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Đề án được triển khai	Quý I/2025
51	Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách thu hút nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao, nhất là các nhà khoa học đầu ngành, chuyên gia cao cấp trong nước và nước ngoài, cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ chuyên môn cao tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại tỉnh (chính sách về tiền lương, nhà ở, điều kiện làm việc,...)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Cơ chế thu hút được ban hành	Quý III/2026
52	Tham mưu triển khai thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi đối với cán bộ công nghệ thông tin công tác tại các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của Trung ương	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Cơ chế, chính sách được ban hành	Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định
53	Xây dựng dữ liệu chuyên gia, thiết lập kênh kết nối giữa doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo để đẩy mạnh liên kết nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan		Quý IV/2026
54	Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo - Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và học tập ở các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, các trường cao đẳng, đại	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường Đại học Hạ Long, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng nghề và các sở, ban, ngành, địa	Chương trình STEM được triển khai đồng bộ	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	học trên địa bàn tỉnh. - Có cơ chế khuyến khích các cơ sở giáo dục, đào tạo tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, phát triển năng lực tự học, sáng tạo... - Thúc đẩy mạnh mẽ các cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, tham gia cấp quốc gia và phần đầu có dự án tham gia cấp quốc tế; - Tăng cường các hoạt động hợp tác giữa các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh với các cơ sở giáo dục, đào tạo trong nước, nước ngoài, tổ chức khoa học, doanh nghiệp... để ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn giáo dục, đào tạo; - Thúc đẩy tư duy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp trong học sinh, sinh viên; phần đầu hàng năm đều có các dự án khởi nghiệp của học sinh, sinh viên; - Thực hiện chuyển đổi số trong trong giáo dục, đào tạo theo đúng tinh thần chỉ đạo tại các kế hoạch của Bộ GDĐT, của tỉnh; trong đó, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kĩ năng số cho giáo viên, học sinh; phát triển nhân rộng mô hình lớp học thông minh, trường học số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào quản lý giáo dục, quản trị trường học; tiếp tục hoàn thiện học bạ số cấp tiểu học, triển khai học bạ số cấp trung học; bám sát chỉ đạo của Bộ GDĐT xây dựng kết nối cơ sở dữ liệu ngay với CSDL quốc gia; phối hợp với công an tỉnh cấp		phương liên quan		

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	chữ kí số cho người trưởng thành đối tượng là học sinh, sinh viên; triển khai hệ thống phần mềm ứng dụng triển khai dạy học trực tuyến, quản lí, khai thác sử dụng nguồn học liệu, công tác quản trị cơ sở giáo dục.... - Phối hợp, kết nối, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ để triển khai các biện pháp chuyển đổi số trong giáo dục; tăng cường huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, máy móc, thiết bị... phục vụ cho phát triển giáo dục, đào tạo; - Tổ chức các hoạt động tập huấn chuyên sâu, hội thảo chuyên đề về khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo cho cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, học sinh, sinh viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao năng lực số; từng bước thực hiện tổ chức kiểm tra/ thi online trên nền tảng CNTT. - Tập trung tạo nguồn đào tạo nhân lực STEM gắn với giáo dục hướng nghiệp, khởi nghiệp từ giáo dục phổ thông. Tiếp tục nâng cao chất lượng giảng dạy ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ 2 trong trường học. - Tích cực tham mưu cho tỉnh triển khai thực hiện các chỉ đạo của Trung ương về ứng dụng khoa học, kỹ thuật, chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo phù hợp với yêu cầu, điều				

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	Kiến nghị đề - xã hội của tỉnh; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách của tỉnh để tiếp tục phát triển giáo dục, đào tạo đáp ứng yêu cầu của tỉnh và của Quốc gia...				
55	Xây dựng và triển khai Đề án phát triển thị trường khoa học và công nghệ, trong đó thúc đẩy phát triển các tổ chức trung gian, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, các trung tâm ương tại khởi nghiệp sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Đề án được triển khai	Quý II/2025
56	Đẩy mạnh phong trào thi đua học tập, lao động sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị. Đổi mới, nâng cao chất lượng tổ chức các cuộc thi, giải thưởng công nghệ thông tin, sáng tạo khoa học kỹ thuật của tỉnh; tôn vinh các sáng chế, giải pháp hữu ích, danh hiệu tri thức tiêu biểu	Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Phong trào được phát động rộng rãi	Thường xuyên
V	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh				
57	Tập trung tham mưu triển khai Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong cơ quan Đảng; thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Văn bản triển khai	Thường xuyên
58	Xây dựng, triển khai kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp	Trung tâm phục	Sở Thông tin và	Kế hoạch được	Quý III

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính	vụ hành chính công tỉnh	Truyền thông, các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	UBND tỉnh ban hành	năm 2025
59	Xây dựng, triển khai Kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số hình thành công dân số	Sở Thông tin và Truyền thông	Công an tỉnh	Kế hoạch được UBND tỉnh ban hành	Quý IV năm 2025
60	Phối hợp hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác minh điện tử trong giao dịch thương mại điện tử	Công an tỉnh	Sở Công Thương, các địa phương	Văn bản triển khai	Năm 2025
61	Triển khai các Đề án chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực	Các sở, ban, ngành, địa phương	Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Đề án được UBND tỉnh ban hành	Năm 2026 (sau khi Đề án của các Bộ được phê duyệt).
62	Triển khai các Tiểu Đề án/Kế hoạch phục vụ chuyển đổi số, bảo đảm kết nối với Đề án 06, gồm: Định danh tàu thuyền; Định danh địa điểm; Xây dựng sân giao dịch việc làm; Xây dựng sân giao dịch bất động sản; Xây dựng sân thương mại điện tử gắn với sản phẩm nông nghiệp và đặc sản vùng miền; Phát triển nguồn nhân lực trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo; Phát triển kinh tế đêm; Mô hình du lịch thông tin; Đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chống thất thu thuế, đảm bảo an ninh tiền tệ	Công an tỉnh, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng nhà nước, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Khoa	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Đề án/Kế hoạch được triển khai	Năm 2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	 trên nền tảng thương mại điện tử	học và Công nghệ, Sở Tài chính			
63	Triển khai hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Văn bản hướng dẫn	Năm 2025
VI	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp				
64	Triển khai Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Đề án được triển khai	Năm 2026
65	Triển khai bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp	Sở Thông tin và Truyền thông	Các doanh nghiệp	Bộ tiêu chí đánh giá được triển khai và đánh giá	Năm 2026
66	Xây dựng, triển khai các chính sách, kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính, các doanh nghiệp	Chính sách được triển khai	Năm 2026
67	Phối hợp triển khai Đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu	Sở Thông tin và Truyền thông	Các doanh nghiệp	Đề án được triển khai	Năm 2027
68	Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Danh mục được công bố	Hàng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
69	Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số	Truyền thông các sở, ban, ngành, địa phương		Chương trình được ban hành	Hàng năm
VII	Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
70	Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư, kêu gọi các tập đoàn công nghệ lớn, các tổ chức nghiên cứu hàng đầu trên thế giới đầu tư vào Quảng Ninh trong lĩnh vực: Công nghệ cao, công nghệ sạch, chế biến chế tạo; công nghiệp bán dẫn, công nghiệp văn hóa, năng lượng tái tạo; công nghệ sinh học.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế, các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.	Quyết định của UBND tỉnh ban hành Chương trình xúc tiến đầu tư tỉnh Quảng Ninh	Năm 2026 - 2030
71	Tổ chức học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm quốc tế có mô hình, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh; Đẩy mạnh ngoại giao công nghệ, thu hút các nguồn lực bên ngoài, góp phần đảm bảo an ninh kinh tế, nâng cao tự chủ về công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Ngoại vụ, các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Chương trình học tập kinh nghiệm được triển khai	Thường xuyên
72	Tham gia các tổ chức, mạng lưới quốc tế như UNESCO, UNDP, ASEAN Smart Cities Network (ASCN); Tổ chức các hội nghị, diễn đàn quốc tế về khoa học, công nghệ và	các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp liên	Các Hội nghị, diễn đàn quốc tế được triển	Thường xuyên



TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	chuyển đổi số tại Quảng Ninh; Kết nối với các thành phố thông minh trên thế giới để phát triển các giải pháp sáng tạo trong quản lý đô thị và du lịch thông minh		quan	khai	

